TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 510/2018/DS-ST
Ngày: 11-10-2018
V/v "tranh chấp
hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Trần Cảnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Hữu Quang;

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Luyến – là Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân Quận 7, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 269/2017/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 182/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 159/2018/QĐST-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng T; Địa chỉ trụ sở: Số L, phường H, quận Đ, Thành phố Hà Nội; Địa chỉ liên lạc: Tầng 3, Số P, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hứa Văn Q, sinh năm 1995, Nơi cư trú: ấp N, B, Bù Đăng, tỉnh Bình Phước - Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 25954/2018/UQ-VPB ngày 10/10/2018)- Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1970; Hộ khẩu thường trú: Số B Đường C, Khu phố N, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: Số A Đường N, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại đơn khởi kiện ngày 28/8/2017 (*Công văn đến ngày 11/10/2017), trong quá trình giải quyết có ông Hà Xuân D là người đại diện theo ủy quyền và xét xử vụ án có ông Hứa Văn Q là người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngân hàng T (viết tắt là nguyên đơn) có ký kết với ông Nguyễn Văn H (viết tắt là bị đơn) hai thỏa thuận:

- Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/12/2014 và đồng ý với Bản thỏa thuận mở và sử dụng thẻ tín dụng/dịch vụ ngân hàng điện tử với nội dung: Mục đích tiêu dùng cá nhân, hạn mức đề nghị là 10.000.000 đồng, tính lãi theo từng thời kỳ theo quy định của nguyên đơn. Nguyên đơn duyệt cho bị đơn vay số tiền là 10.000.000 (Mười triệu) đồng và mở thẻ vào ngày 31/12/2014. Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã dùng thẻ và sử dụng số tiền 9.716.800 đồng.

- Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2014 và đồng ý với bản Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ với nội dung: Mục đích tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp, hạn mức đề nghị tối đa là 99.000.000 đồng, không áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay, lãi suất vay tối đa là 30%/năm, trả gốc và lãi hàng tháng. Nguyên đơn duyệt cho bị đơn vay số tiền là 45.000.000 (Bốn mươi lăm triệu) đồng, thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất vay là 30%/năm; trả gốc và lãi hàng tháng và giải ngân khoản vay vào ngày 06/01/2015. Trong quá trình sử dụng bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn vào các ngày 06/02/2015, 06/03/2015, 06/04/2015, 18/05/2015, 10/07/2015, 05/09/2015 với tổng cộng số tiền là 10.689.510 đồng.

Theo Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/12/2014 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2014 thì bị đơn khai có hộ khẩu thường trú: B1618 Ấp 6, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng do thay đổi về tên địa giới hành chính nên hiện nay địa chỉ này được xác định cụ thể là B1618 Đường 49, Khu phố 5, phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,

Tính đến ngày 11/10/2018, bị đơn còn nợ các khoản sau:

- Đối với Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/12/2014 thì số nợ bao gồm: Nợ gốc là 9.716.800 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 11/10/2018 là 16.970.798 đồng;

- Đối với Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2014 thì số nợ bao gồm: Nợ gốc là 41.698.022 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 11/10/2018 là 62.935.062 đồng;

- Vậy tổng cộng số tiền vốn và lãi của hai khoản vay là 131.320.682 đồng.

Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải có trách nhiệm thanh toán một lần và toàn bộ số nợ nói trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, kể từ ngày 12/10/2018, bị đơn còn phải thanh toán đầy đủ số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quy định Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/12/2014 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2014 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về phía bị đơn, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 7 đã nhiều lần triệu tập bị đơn đến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ kiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải theo quy định pháp luật.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Quận 7:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự và có sự vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/12/2014 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2014 thì thỏa thuận giữa nguyên đơn và bị đơn là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ kết quả trả lời của Công an phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 252/2017/QĐ-CCCC ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì: Ông Nguyễn Văn H hiện tại không cư trú tại địa chỉ số B Đường C, Khu phố N, phường B, Quận 7. Ông Hùng có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên nhưng đã bán nhà và không rõ đi đâu, không xác định được thời gian bán nhà.

Căn cứ kết quả trả lời của Công an phường Bình Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 251/2017/QĐ-CCCC ngày 26/10/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7 thì: Đương sự ông Nguyễn Văn H có

cư ngụ (tạm trú) tại nhà trọ số A Đường N, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh từ tháng 11 năm 2011 đến tháng 6 năm 2016, từ tháng 7 năm 2016 ông Hùng không còn cư trú tại địa chỉ trên, ông Hùng không đăng ký tạm trú và không có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ trên, hiện ông Hùng cư trú ở đâu chưa xác định được.

Căn cứ vào Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/12/2014 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2014 thì bị đơn khai có hộ khẩu thường trú: số B Đường C, Khu phố N, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (Hiện nay được xác định là số B Đường C, Khu phố N, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh) và nơi đăng ký tạm trú: số A Đường N, phường B, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 1 Mục E của bản Điều khoản và điều kiện dành cho khách hàng vay tiêu dùng cá nhân, mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ thì việc thay đổi địa chỉ giao dịch trong các thỏa thuận phải thông báo cho nhau bằng văn bản.

Như vậy, nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng về nơi cư trú của bị đơn nhưng bị đơn không thông báo cho nguyên đơn về nơi cư trú mới, căn cứ vào Điểm e Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành thụ lý, giải quyết theo thủ tục chung.

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã vay và bị đơn cư trú tại Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng là loại tranh chấp được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh theo Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến phản hồi và thuộc trường hợp đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án, tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Khoản 4 Điều 91, Điều 95, Điều 96 và Điều 108 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì bị đơn đã tự ý tước bỏ các quyền tự chứng minh, trình bày ý kiến của mình và chịu hậu quả của việc không chứng minh nên Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và tài liệu chứng cứ của nguyên đơn để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/8/2017 (công văn đến ngày 11/10/2017) và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền vốn và lãi tính đến ngày 11/10/2018 là 131.320.682 (Một trăm ba mươi mốt triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm tám mươi hai) đồng, yêu cầu trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó:

- Đối với Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/12/2014 thì số nợ bao gồm: Nợ gốc là 9.716.800 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 11/10/2018 là 16.970.798 đồng;

- Đối với Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2014 thì số nợ bao gồm: Nợ gốc là 41.698.022 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 11/10/2018 là 62.935.062 đồng;

Ngoài ra nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 12/10/2018 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất tại Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/12/2014 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2014 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

Căn cứ theo các quy định và các văn bản hai bên đã ký kết, xét thấy có đủ cơ sở xác định nguyên đơn có cho bị đơn vay số tiền gốc là 45.000.000 đồng và 9.716.800 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn chỉ thanh toán được số tiền 10.689.510 (Mười triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn năm trăm mười) đồng. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền vốn và lãi tính đến đến ngày 11/10/2018 là 131.320.682 (Một trăm ba mươi mốt triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm tám mươi hai) đồng, yêu cầu trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với yêu cầu bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 12/10/2018 của số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất nợ do các bên đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/12/2014 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2014 là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Khoản 2 Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 131.320.682 (Một trăm ba mươi mốt triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm tám mươi hai) đồng và tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 12/10/2018 được chấp nhận nên phía bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là 6.566.034 (Sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm ba mươi bốn) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí. Hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã đóng theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Điều 147; Khoản 1 Điều 207; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 91, Khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Luật phí, lệ phí và Khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung 2014;

Xử:

1. Về hình thức: Xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Văn H.

2. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

2.1. Buộc ông Nguyễn Văn H phải thanh toán cho Ngân hàng T tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 11/10/2018 là 131.320.682 (Một trăm ba mươi mốt triệu ba trăm hai mươi nghìn sáu trăm tám mươi hai) đồng, yêu cầu trả làm một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trong đó:

- Đối với Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/12/2014 thì số nợ bao gồm: Nợ gốc là 9.716.800 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 11/10/2018 là 16.970.798 đồng;

- Đối với Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2014 thì số nợ bao gồm: Nợ gốc là 41.698.022 đồng; Nợ lãi tính đến ngày 11/10/2018 là 62.935.062 đồng;

Kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2018, ông Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 18/12/2014 và Đơn đề nghị mở tài khoản, phát hành thẻ ghi nợ vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 26/12/2014.

2.2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn H phải chịu 6.566.034 (Sáu triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn không trăm ba mươi bốn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngân hàng T không phải chịu án phí. Hoàn trả lại Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã đóng là 2.658.124 (Hai triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn một trăm hai mươi bốn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0024441 ngày 20/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

2.3. Quyền yêu cầu thi hành án, thời hiệu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014

2.4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn Ngân hàng T được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS Quận 7;
- Lưu, hồ sơ (Luyến).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Trần Cảnh